

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG KỸ THUẬT DẠY HỌC TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC HỌC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BÌNH PHƯỚC

○ UÔNG THI LÊ NA*

1. Một trong những phương pháp (PP) phát huy tính tích cực nhận thức của người học chính là sử dụng các kỹ thuật dạy học (KTDH). KTDH là một bộ phận nằm trong phương pháp dạy học (PPDH). KTDH có thể sử dụng một cách linh hoạt, mềm dẻo trong quá trình DH và kết hợp được với tất cả PPDH. Điều kiện quyết định sự tồn tại trong thực hiện và hiệu quả của PPDH là hệ thống các KTDH và các biện pháp sử dụng KTDH. Hệ thống các KTDH là hiện thực hóa sức mạnh của PPDH, là cơ cấu kỹ thuật của PPDH để thực hiện mục đích DH (1).

Nhận thấy tầm quan trọng của việc sử dụng các KTDH trong giảng dạy, chúng tôi đã tiến hành điều tra thực trạng sử dụng KTDH trong DH môn Giáo dục học (GDH) ở Trường CĐSP Bình Phước.

Chúng tôi đã sử dụng các PP nghiên cứu: phỏng vấn (nhằm thu thập thêm thông tin về thực trạng của việc sử dụng PPDH và KTDH của GV trường CĐSP Bình Phước), quan sát (dự giờ quan sát giờ dạy của GV thu thập thông tin bổ trợ cho những PP điều tra khác), điều tra bằng anket (điều tra trên 28 GV, xin ý kiến bằng cách dùng hệ thống các câu hỏi nhiều lựa chọn để tìm hiểu ý kiến của GV và SV khi DH bằng PP và KTDH tích cực).

2. Thực trạng sử dụng KTDH trong DH môn GDH của GV Trường CĐSP Bình Phước

1) Nhận thức của GV về tầm quan trọng của việc sử dụng các KTDH trong DH môn GDH. GDH là môn học mang tính nghiệp vụ, có tính đặc thù ở các trường sư phạm. Việc đổi mới PP, KTDH theo hướng tích cực, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học là mối quan tâm hàng đầu của mỗi cán bộ quản lý, GV nói chung và GV môn GDH nói riêng. Kết quả điều tra của chúng tôi (năm học 2010 - 2011) cho thấy: có 53,6% GV chọn mức «rất quan trọng» và «quan trọng». Bên cạnh đó vẫn còn một vài GV cho rằng PPDH và KTDH trong giảng dạy môn GDH là «ít quan trọng» và «không quan trọng».

2) Việc sử dụng các PPDH và KTDH của GV trong DH môn GDH (xem bảng 1)

Bảng 1. Thực trạng các PPDH GV thường sử dụng trong DH môn GDH

TT	Các PP	RTX (%)	TX (%)	TT (%)	HK (%)	KBG (%)
1	Vấn đáp	43,8	31,3	25,0	0	0
2	Thảo luận nhóm	31,3	37,5	31,3	0	0
3	Thuyết trình	37,5	31,3	31,3	0	0
4	Trò chơi	18,8	18,8	62,5	0	0
5	DH nêu vấn đề	12,5	12,5	75,0	0	0
6	Thực hành	12,5	12,5	75,0	0	0
7	Thực quan	25,0	37,5	37,5	0	0
8	Các PP khác	0	0	62,5	37,5	0

Ghi chú: RTX: Rất thường xuyên; TX: Thường xuyên; TT: thỉnh thoảng; HK: hiếm khi; KBG: không bao giờ

Bảng 1 cho thấy: GV sử dụng đa dạng các PPDH khác nhau. Tuy nhiên, PP GV thường sử dụng nhất vẫn là thuyết trình và vấn đáp. Đây là những PPDH truyền thống, rất dễ sử dụng. PP GV ít sử dụng nhất là «DH nêu vấn đề và thực hành» chiếm tỉ lệ thấp (12,5%) vì có thể đây một PP không dễ thực hiện, hơn nữa PP này không phải sử dụng được ở bất cứ một nội dung bài học nào và phụ thuộc rất nhiều vào năng lực của từng GV.

Bảng 2. Thực trạng các KTDH GV thường sử dụng trong DH GDH

TT	Các kỹ thuật DH	RTX (%)	TX (%)	TT (%)	HK (%)	KBG (%)
1	KT động não	12,5	0	62,5	25,0	0
2	KT bề cá	0	0	81,2	18,8	0
3	KT ổ bi	0	0	0	81,2	18,8
4	Kỹ thuật XYZ	12,5	18,8	68,8	0	0
5	Kỹ thuật tia chớp	56,3	18,8	18,8	0	0
6	Kỹ thuật 3 lần 3	31,3	12,5	0	0	56,3
7	KT khăn trải bàn	0	25,0	12,5	6,3	56,3
8	KT mảnh ghép	50,0	12,5	37,5	0	0
9	KT tranh luận ủng hộ - phản đối	50,0	12,5	37,5	0	0
10	Các kỹ thuật khác	0	0	87,5	12,5	0

Bảng 2 cho thấy, các KTDH được GV sử dụng không đồng đều (tùy thuộc vào thể mạnh sử dụng các KTDH của từng GV). KTDH mà GV

* Trường Cao đẳng sư phạm Bình Phước

lựa chọn sử dụng nhiều nhất là «kĩ thuật tia chớp» (56,3%). Hai KTDH, theo chúng tôi, là những kĩ thuật rất hay là «kĩ thuật mảnh ghép» và «kĩ thuật tranh luận ủng hộ - phản đối» đều được GV chọn ở mức «rất thường xuyên» (50%). Bên cạnh đó, có những KTDH như «bể cá», «ổ bi», «khăn trải bàn» GV rất ít sử dụng, dù họ đã biết (có thể đây là những kĩ thuật khó; lại liên quan đến các yếu tố như thời gian, thói quen, năng lực, người học,...).

Bảng 3. Mục đích của GV khi sử dụng PPDH và KTDH

TT	Tiêu chí	ĐY (%)	LL (%)	KĐY (%)
1	Không rườm rà, SV hiểu đúng bản chất vấn đề	87,5	12,5	0
2	Người học làm việc rất tích cực	56,3	18,7	25
3	SV có sự cộng tác trao đổi, thu được nhiều kiến thức hơn	43,7	18,8	37,5
4	Rất thích vì SV dễ hiểu bài	93,7	6,3	0
5	Sử dụng PP và kĩ thuật GV nhân hơn	0	12,5	87,5
6	Sử dụng PP và kĩ thuật GV phải tập trung hơn	93,7	6,3	0
7	SV học rất sôi nổi hoạt động theo nhóm của mình	56,2	25,0	18,8

Ghi chú: ĐY: Đồng ý; LL: lưỡng lự; KĐY: Không đồng ý

Với tiêu chí: «Rất thích vì người học dễ hiểu bài», số GV chọn ở mức «đồng ý» ở tỉ lệ cao (93,7%). Tuy nhiên, «giữa những SV có sự cộng tác trao đổi, người học thu được nhiều kiến thức hơn» có hai luồng ý kiến: 43,7% GV chọn «đồng ý» và 37,5% chọn «không đồng ý». Theo chúng tôi, các GV chọn mức «đồng ý» là do học trò của họ học tập tích cực, bộc lộ được hiểu biết và thu lượm những kiến thức chưa biết từ những người xung quanh. Còn số GV chọn «không đồng ý» là vì học trò chưa tập trung hoặc do PPDH và KTDH của GV chưa thực sự thu hút được sự chú ý và hứng thú học tập của các em. Trên thực tế, giờ học «có những người không làm việc, dựa vào kết quả của người khác, có những người không làm việc nhưng có thái độ giả như rất chăm chú» (kết quả phỏng vấn).

3) Các nguyên nhân của thực trạng nói trên

Bảng 4 cho thấy, các nguyên nhân nêu trên đều có ảnh hưởng nhất định đến quá trình giảng dạy của GV và sự ảnh hưởng với từng GV là khác nhau. Nguyên nhân lớn nhất mà GV lựa chọn đó là «SV chưa thích ứng với sự thay đổi của PP học tập» (78,6%), song một số GV cho rằng SV rất chủ động, hứng thú, tích cực, và ham

Bảng 4. Nguyên nhân khách quan gây khó khăn trong quá trình GV sử dụng PPDH và KTDH

TT	Nguyên nhân	Đúng (%)	LL (%)	KĐY (%)
1	Nội dung DH có cấu trúc phức tạp	7,1	35,7	57,2
2	SV chưa có kĩ năng xác định chủ đề bài học	60,7	7,1	32,2
3	Thời gian giảng dạy trên lớp có hạn	64,3	21,4	14,3
4	SV chưa thích ứng với sự thay đổi PP học tập	78,6	3,6	17,9
5	Các bài giảng về PP và KTDH còn quá ít để tham khảo	53,6	35,7	10,7
6	SV không tích cực, ít chủ động, lười biếng	57,1	0	42,9
7	Ảnh hưởng của truyền thống văn hóa giáo dục	39,3	35,7	25,0

tim tòi... Cùng với ý kiến của các GV, chúng tôi tiến hành quan sát trực tiếp tiết học và quan sát gián tiếp (dùng camera), kết quả thu được rất khác nhau: khi «dự giờ» thì SV tích cực và rất hợp tác với cô; nhưng cùng GV này, lớp này, khi quan sát gián tiếp thì SV có những biểu hiện như không tích cực, ỷ lại, lười biếng, chống đối, thiếu tập trung...

Bảng 5. Nguyên nhân chủ quan gây khó khăn trong quá trình GV sử dụng PPDH và KTDH

TT	Nguyên nhân	Đúng (%)	LL (%)	KĐY (%)
1	Thói quen sử dụng PPDH truyền thống	42,9	7,1	50,0
2	Năng lực tổ chức các PPDH và KTDH hiện đại chưa tốt	35,7	42,9	21,4
3	Vận dụng quy trình PP và KTDH chưa đúng	21,4	50,0	28,6
4	Tốn rất nhiều thời gian và công sức đầu tư	71,4	21,4	7,2
5	Các nguyên nhân khác	60,7	39,3	0

Bảng 5 cho thấy, có nhiều nguyên nhân chủ quan ảnh hưởng, gây khó khăn trong quá trình sử dụng PPDH và KTDH của GV. Nguyên nhân ảnh hưởng nhiều nhất đó là: «tốn rất nhiều thời gian và công sức đầu tư» (71,4%). Tiếp theo là nguyên nhân «thói quen sử dụng PP truyền thống» (các GV cũng chưa đồng tình với nguyên nhân này vì họ cho rằng PPDH hiện đại kế thừa và phát triển những ưu điểm của PPDH truyền thống). Tuy nhiên, trên đây chỉ là một vài những khó khăn mà người nghiên cứu đưa ra, các GV cho rằng còn có nhiều nguyên nhân khác gây khó khăn trong quá trình sử dụng PPDH và KTDH hiện đại.

(Xem tiếp trang 37)

kiện $1 < x < 2$) để chứng minh BT. Tuy nhiên, với BT mới, GV đưa HS vào tình huống tự lập ra và chứng minh các BĐT mới, trong đó, HS phải vận dụng một cách nhuần nhuyễn kết quả $(x-1)/(x-2) < 0$ (với điều kiện $1 < x < 2$).

3. Từ BT ban đầu, HS có thể đưa ra nhiều BT mới và "cần phải dự đoán kết quả hoặc một phần nào đó của kết quả, tự mình khám phá kiến thức trong khả năng có thể, tự khám phá tới mức tối đa trong những hoàn cảnh cụ thể" (1); những BT như vậy được gọi là BT mở. Một số đặc điểm của BT mở ở trường phổ thông: - BT tìm tòi thì điều phải tìm không được nêu lên một cách tường minh, người học phải tìm tất cả các kết quả có thể có; - Nếu là BT chứng minh, người học phải phán đoán, phát hiện các kết quả cần chứng minh và chứng minh điều đó; - Người học có thể thay đổi một số điều kiện để đưa ra kết quả mới.

Với BT mở, HS không bị phụ thuộc vào kiến thức đã có mà được tham gia vào quá trình sáng tạo BT mới, các em có thể tự giải quyết vấn đề và thu được những kết quả mới từ điều

kiện quen thuộc. Qua đó, HS rèn luyện được tính mềm dẻo của tư duy sáng tạo, khả năng áp dụng linh hoạt kết quả đã có vào giải quyết các BT khác nhau, đặc biệt là các em rèn luyện được tính nhuần nhuyễn, một tính chất quan trọng của tư duy sáng tạo. □

(1) G. Polya. **Sáng tạo toán học**, tập 3. NXB Giáo dục, H. 1976.

Tài liệu tham khảo

1. Tôn Thân. *Xây dựng hệ thống câu hỏi bài tập nhằm bồi dưỡng một số yếu tố của tư duy sáng tạo cho học sinh khá và giỏi Toán ở trường trung học cơ sở Việt Nam*. Luận án Phó tiến sĩ Khoa học tâm lí. Viện khoa học giáo dục, H. 1995.

SUMMARY

The article summarizes some characteristics of the open problems in schools and offers some creative measures to open the problem of inequality contents. These measures will help teachers from the inequality has to create problems on the ability to promote independent and creative students.

Thực trạng sử dụng kĩ thuật...

(Tiếp theo trang 14)

Để khẳng định vai trò của PPDH và KTDH đối với môn GDH, chúng tôi phỏng vấn một số GV. Ý kiến được cô V.T.L.A nêu ra là «trong xã hội ngày nay con đường để cho người học chiếm lĩnh tri thức nhanh nhất là con đường tự học. Mà để kích thích được hứng thú nhận thức của các em không có con đường nào khác đó chính là việc «nên» và «cần phải» sử dụng các PPDH và KTDH».

3. Qua thực tế nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy, GV đã rất nỗ lực đưa PPDH và KTDH hiện đại vào trong bài giảng của mình. Tuy nhiên, số lượng này không cao và việc sử dụng này còn mang tính chất phong trào chưa đúng với quy trình cách thức tiến hành thực hiện. Một số GV chưa thực sự tâm huyết khi lên lớp. Có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến việc GV vận dụng PPDH và KTDH vào môn GDH, nguyên nhân cả về phía chủ quan lẫn khách quan: năng lực tổ chức: 35,7% GV chọn «đúng», thời gian: 71,4% chọn «đúng», SV chưa thích ứng với sự thay đổi PP học tập: 78,6% số GV chọn.

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả DH môn GDH, GV cần phải vững về chuyên môn, chắc về PPDH và KTDH và thường xuyên học hỏi không ngừng có thể đáp ứng được những yêu cầu, đòi hỏi của xã hội. □

(1) Trần Ngọc Lan - Đặng Hồng Hiếu. "Kĩ thuật dạy học - Một cấp độ của phương pháp dạy học". *Tạp chí Giáo dục*, số 205 (Kì 1, 1/2009).

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Cường. **Phương tiện kĩ thuật và đồ dùng dạy học (Chương trình giáo dục đại học)**. Bộ GD-ĐT, H 1995.
2. Dự án Việt - Bỉ. *Tài liệu tập huấn dạy và học tích cực*, H 2001.
3. Nguyễn Kỳ. **Phương pháp giáo dục tích cực lấy người học làm trung tâm**. NXB Giáo dục, H 1995.
4. Lê Nguyên Long. **Thử đi tìm những phương pháp dạy học hiệu quả**. NXB Giáo dục, H 2000.
5. Trần Hồng Quân. "Phương pháp dạy học tích cực, một phương pháp vô cùng quý báu". *Tạp chí Nghiên cứu giáo dục*, 12/1994.

SUMMARY

Through the investigation process the situation, we realized that: teachers have access to the modern methods and techniques of teaching but not high.